



gōng huì

公会

noun · guild, association

Example Sentences

Tā jiā rù le yóu xì lǐ de gōng huì
他加入了游戏里的公会。

He joined a guild in the game.

Zhè ge gōng huì dìng qī zǔ zhī huó dòng
这个公会定期组织活动。

This guild regularly organizes activities.

Shāng rén men chéng lì le gōng huì lái bǎo hù zì jǐ de lì yì
商人们成立了公会来保护自己的利益。

The merchants established a guild to protect their interests.

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公								
会	会	会	会	会	会	会	会	会						